

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HỆN PHƯỚC LONG  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28/8/2020

*V/v tranh chấp ly hôn,  
nuôi con chung và chia tài sản.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kiều Song Toàn*

*Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Chiêu và ông Trần Văn Phước*

*Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Văn Cung, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Nhiên – Kiểm sát viên.*

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 50/2020/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc việc “*yêu cầu ly hôn, nuôi con chung và chia tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1999;

Địa chỉ: ấp N, xã N, Huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1993;

Địa chỉ: ấp A, xã P A, Huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1966;  
Địa chỉ ấp A, xã A, Huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

*(Chị T, anh Q có mặt, bà N vắng mặt).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:*

Chị và anh Nguyễn Văn Q chung sống với nhau vào năm 2015, hôn nhân là tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân xã A, Hện P, tỉnh Bạc Liêu. Sau thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được.

*Về con chung:*

Vợ chồng có với nhau 01 người con chung tên Nguyễn Trần Gia H, sinh ngày 08/6/2019 hiện chị đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh Quý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

*Về tài sản chung và nợ:*

Chị xác định vợ chồng có 20 chỉ vàng 24k và số tiền 160.000.000 đồng trong quá trình chuẩn bị xét xử chị yêu cầu chia, tuy nhiên tại phiên tòa chị rút lại không yêu cầu chia số tài sản này.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày:

Về hôn nhân vợ anh trình bày là đúng, anh đồng ý thuận tình ly hôn theo yêu cầu của chị T;

Về con chung: Anh đồng ý giao con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, tuy nhiên anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay anh không có công việc ổn định.

Về tài sản: Tại phiên tòa chị T rút lại yêu cầu chia tài sản anh cũng đồng ý.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện Phước Long trình bày quan điểm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với đương sự: từ khi tham gia tố tụng đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do là vi phạm nghĩa vụ của đương sự.

+ Về nội dung: Chị T và anh Q chung sống với nhau vào năm 2015, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên hôn nhân của chị T và anh Q là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị T yêu cầu ly hôn, anh Q cũng đồng ý, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T ly hôn với anh Q theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Về con chung: Giao người con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng buộc anh Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 745.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; Về tài sản: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản của chị T; Về án phí chị T và anh Q nộp theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Chị T yêu cầu ly hôn với anh Q và anh Q có địa chỉ cư trú tại ấp 1A, xã Phong Thạnh Tây A, Hện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Hện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bà N là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N.

[3] Về hôn nhân:

Xét thấy, chị T và anh Q chung sống với nhau vào năm 2015, hôn nhân được xây dựng trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, do vậy hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Nguyên nhân ly hôn theo chị T trình bày là do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, trong khoảng thời gian này mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Chị T yêu cầu ly hôn, anh Q cũng đồng ý nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T ly hôn với anh Q.

[4] Về con chung:

Chị T và anh Q có 01 người con chung tên Nguyễn Trần Gia H, sinh ngày 08/6/2019 hiện chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con và anh Q cũng đồng ý. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các bên, tiếp tục giao con chung cho chị T nuôi dưỡng. Anh Q không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con:

Theo quy định pháp luật, người không trực tiếp nuôi con, phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, trong vụ án này chị T là người trực tiếp nuôi con nên cần buộc anh Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con là 745.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, việc cấp dưỡng được thi hành ngay.

[6] Về tài sản chung và nợ:

Tại phiên tòa chị T rút lại yêu cầu chia tài sản chung, Hội đồng xét xử xét thấy việc rút lại yêu cầu của chị T trên tinh thần tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và anh Q cũng đồng ý nên căn cứ Điều 5 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu chia tài sản của chị T.

[7] Về án phí:

Buộc chị T nộp án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình với số tiền 300.000đ. Chị T đã dự nộp tạm ứng án phí với số tiền 2.300.000đ theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004662 ngày 17/02/2020 được cHên án phí 300.000 đồng, số tiền còn lại 2.000.000 đồng hoàn trả cho chị T. Anh Q nộp án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

[8] Với những phân tích trên xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### Tuyên xử:

**1.** Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

**2.** Về con chung: Tạm giao người con chung tên Nguyễn Trần Gia H, sinh ngày 08/6/2019 cho chị Trần Thị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Văn Q cấp dưỡng nuôi người con Nguyễn Trần Gia H mỗi tháng 745.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi người con Gia H đủ 18 tuổi, việc cấp dưỡng được thi hành ngay.

**3.** Đình chỉ yêu cầu chia tài sản của chị Trần Thị T.

**4.** Về án phí: Buộc chị Trần Thị T nộp án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình với số tiền 300.000đ. Chị T đã dự nộp tạm ứng án phí với số tiền 2.300.000đ theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004662 ngày 17/02/2020 được cHên án phí 300.000 đồng, số tiền còn lại 2.000.000 đồng hoàn trả cho chị T. Anh Nguyễn Văn Q nộp án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng. Các đương sự nhận và nộp án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự Hện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T, anh Nguyễn Văn Q có quyền kháng cáo bản án trọng hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với bà Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND Huyện P;
- Chi cục THADS Huyện P;
- UBND xã P A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Kiều Song Toàn**